

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 02 năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 147/TTr-SNNMT ngày 06/02/2026.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 703, địa chỉ trụ sở chính tại tầng 2 tòa nhà CT1, đường Ngô Thị Nhậm, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội (nay là phường Hà Đông, thành phố Hà Nội) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bê tông nhựa đường và nhà xưởng” tại Lô XI6, Khu công nghiệp Thuận Thành 3,

phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh), với các nội dung như sau:

### **1. Thông tin chung của dự án:**

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất bê tông nhựa đường và nhà xưởng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô XI6, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101387113 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 04/7/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 18/6/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 5335608804 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 06/5/2020, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 16/7/2024.

1.4. Mã số thuế: 0101387113.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bê tông nhựa đường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.6.1. Phạm vi:

- Diện tích dự án: 15.802m<sup>2</sup>, gồm: Đất xây dựng công trình: 4.427,13m<sup>2</sup>; diện tích đất cây xanh, cảnh quan: 3.203,36m<sup>2</sup>; đất sân đường, giao thông: 5.280,21m<sup>2</sup>; đất dự trữ phát triển: 2.800m<sup>2</sup>.

- Các công trình xây dựng, gồm: 01 Trạm trộn bê tông 160 tấn/giờ: 1.400m<sup>2</sup>; nhà văn phòng (3 tầng): 336,14m<sup>2</sup>; bãi chứa cốt liệu (có tường và mái che): 2.100m<sup>2</sup>; trạm cân: 78,3m<sup>2</sup>. Các công trình phụ trợ, gồm: Nhà xe, sân đường giao thông, nhà rác, khu vực đặt thiết bị bảo vệ môi trường.

- Nhóm dự án:

+ Dự án thuộc nhóm B (*phân loại theo tiêu chí pháp luật về đầu tư công*); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

+ Dự án có tiêu chí về môi trường là dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và STT2, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

1.6.2. Quy mô, công suất của dự án: Sản xuất bê tông nhựa đường với công suất 200.000 tấn/năm.

1.6.3. Quy trình sản xuất: Nguyên liệu → Máy xúc lật → Phễu cấp liệu → Băng tải → Tang sấy → Băng tải gàu nóng → Sàng phân loại → Phễu cân → Tháp trộn → Xả phẩm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 703 có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 703 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh, UBND phường Trí Quả nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo

vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy sản xuất bê tông nhựa đường và nhà xưởng” được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1008/QĐ-SNNMT ngày 28/11/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bê tông nhựa đường và nhà xưởng”.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh; Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 703 và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN <sub>Tân</sub>

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Quang Khải**

**PHỤ LỤC 1**  
**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI**  
**THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường, lý do:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên làm việc tại dự án, sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được đưa vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5m<sup>3</sup>/ngày đêm của dự án, để xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Thuận Thành III (theo Hợp đồng thuê đất số 98A/HĐKCN - Khai Sơn ngày 10/12/2021 giữa Công ty cổ phần Khai Sơn và Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 703). Sau đó, được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Thuận Thành III, để tiếp tục xử lý, trước khi xả ra ngoài môi trường.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (01 bể, dung tích 37,5m<sup>3</sup>), sau đó nước thải theo đường ống thu gom D160 có các hố ga kích thước (1x1)m đưa đến hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của Khu công nghiệp theo ống uPVC D160 đưa vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Thuận Thành III.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại → Bể gom → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom của KCN Thuận Thành III.

- Công suất hệ thống: 5m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Mật rỉ; hóa chất khử trùng javel.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống dẫn nước thải dẫn về hệ thống xử lý; kiểm tra các hệ thống bơm, hệ thống điện.

- Bố trí nguồn lực để quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành.

- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

- Khi xảy ra sự cố, nước thải được thu gom lưu giữ tại thiết bị lưu chứa (bể gom, bể điều hòa); sau khi sự cố được khắc phục, nước thải lưu chứa tiếp tục được xử lý.

Trường hợp xảy ra sự cố bề gây tràn đổ nước thải ra ngoài môi trường thì thông báo ngay cho phụ trách kỹ thuật để hỗ trợ khắc phục nhanh chóng. Trường hợp trong 24 giờ, hệ thống chưa được xử lý, Chủ dự án chủ động điều chỉnh hoạt động nhằm giảm phát sinh chất thải để sửa chữa.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm** (theo đề xuất của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 703 tại báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường)

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại bể gom và 01 điểm sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chất ô nhiễm: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Amoni, tổng N, tổng P, tổng Coliforms, Sunfua, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo tiêu chuẩn đầu nổi của Khu công nghiệp Thuận Thành III.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh của dự án bảo đảm đáp ứng yêu cầu, điều kiện tiếp nhận, đầu nổi nước thải và tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải theo quy định của Khu công nghiệp Thuận Thành III, trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp; không xả thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Chủ dự án có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thuận Thành III, để tiếp tục xử lý./.

**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND*  
*ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** Có 02 nguồn phát sinh khí thải.

- Nguồn số 1: Bụi phát sinh từ khu vực sàng rung, tang sấy.
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ khu vực xả thăm.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả thải**

2.1. Dòng khí thải: Có 02 dòng khí thải.

- Dòng khí thải số 01: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải số 1 (hệ thống xử lý bụi khu vực sàng rung, tang sấy).
- Dòng khí thải số 02: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải số 2 (hệ thống xử lý khí thải từ khu vực xả thăm).

2.2. Vị trí xả khí thải: 02 vị trí (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>00</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>)

- Vị trí số 01: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 1. Tọa độ vị trí xả thải: X<sub>1</sub> = 2328366; Y<sub>1</sub> = 401610.

- Vị trí số 02: Tại ống thoát khí sau của hệ thống xử lý khí thải số 2. Tọa độ vị trí xả thải: X<sub>2</sub> = 2328540; Y<sub>2</sub> = 401287.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 49.500m<sup>3</sup>/giờ.

- Dòng khí thải số 01: 48.000m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: 1.500m<sup>3</sup>/giờ.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị tối đa cho phép (QCVN 19:2024/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>I</b>	<b>Dòng khí thải số 01</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự
2	Bụi (PM)	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 80		
3	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 400		

4	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 400	quan trắc định kỳ	động, liên tục
5	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 300		
<b>II</b>	<b>Dòng khí thải số 02</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-		
2	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 40		
3	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 100		
4	Cloroform	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 30		
5	Cac bon disunphua	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 35		
6	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 5		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Bụi từ các vị trí sàng rung, tang sấy theo đường ống mạ kẽm kích thước 0,45mx1,5m đi vào hệ thống xử lý khí thải số 1 để xử lý. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột B, theo đường ống D970, cao 12m thoát ra ngoài môi trường.

- Khí thải từ khu vực xả phẩm theo đường ống uPVC D140, uPVC D160 đi vào hệ thống xử lý khí thải số 2 để xử lý. Khí thải sau xử lý QCVN 19:2024/BTNMT cột B, theo đường ống D200, cao 1m thoát ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải số 1:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi, khí thải → Đường ống dẫn khí → Cyclone → Hệ thống lọc bụi túi → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường (Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B).

+ Công suất thiết kế: 48.000m<sup>3</sup>/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng sử dụng: Túi lọc.

- Hệ thống xử lý khí thải số 2:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải → Miệng hút → Đường ống chính → Quạt hút → Tháp hấp phụ → Ống thoát khí → Môi trường (Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B).

+ Công suất thiết kế: 1.500m<sup>3</sup>/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng sử dụng: Than hoạt tính (*hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này*).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút,... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan chức năng nếu sự cố vượt quá khả năng giải quyết.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố:

Khi phát hiện ra sự cố, Chủ dự án chủ động ngừng ngay hoạt động làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường. Báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản. Ngay lập tức khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý khí thải đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường ngay sau khi khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 02 hệ thống xử lý khí thải.

- Hệ thống xử lý bụi thải từ khu vực sàng rung, tang sấy (hệ thống xử lý khí thải số 1).

- Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực xả thăm (hệ thống xử lý khí thải số 2).

*(Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải số 2 do Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 703 đề xuất thực hiện tại báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường).*

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 1.
- 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 2.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của dòng thải (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải; lập nhật ký vận hành công trình xử lý.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.4. Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

**PHỤ LỤC 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,**  
**ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND*  
*ngày / 02 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Có 02 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 01: Khu vực trạm trộn.

- Nguồn số 02: Khu vực hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Có 02 vị trí.

- Vị trí số 01: Khu vực trạm trộn. Tọa độ  $X_1 = 2328326$ ;  $Y_1 = 401603$ .

- Vị trí số 02: Khu vực hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ  $X_2 = 2328623$ ;  $Y_2 = 401233$ .

*(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}00'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ )*

**3. Tiếng ồn, độ rung:** Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
2	75	70	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

#### **1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Thường xuyên tiến hành bảo dưỡng thiết bị, máy móc.
- Sử dụng thiết bị hiện đại, tự động hóa tối đa trong quá trình sản xuất.
- Trang bị bảo hộ và kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân. Tăng cường chế độ nghỉ ngơi, nghỉ giữa ca, bồi dưỡng sức khỏe cho các công nhân làm việc tại các vị trí phát sinh tiếng ồn lớn.
- Tăng cường trồng cây xanh tạo ngăn cách với các khu vực xung quanh. Các loại cây xanh được trồng là loại cây xanh có tán rộng, có khả năng giảm tiếng ồn. Thời gian trồng và chăm sóc cây dự kiến bắt đầu từ tháng 02/2026.

#### **1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:**

- Nền bệ máy thiết bị phải bằng phẳng và chắc chắn nhằm tránh gây ra hiện tượng cộng hưởng rung động, giảm thiểu rung lắc.
- Lắp đặt đệm giảm chấn cho các thiết bị, động cơ có độ rung lớn.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành./.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Dự báo khối lượng phát sinh trung bình (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	2
2	Dầu mỡ bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	150
	<b>Tổng khối lượng</b>			<b>152</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên loại chất thải	Dự báo khối lượng (kg/năm)
1	Găng tay, khẩu trang không dính thành phần nguy hại	32
2	Palet gỗ	150
3	Bùn từ các hố ga nước thải, nước mưa	12.000
4	Đá (lẫn trong nguyên liệu), bụi từ quá trình lọc bụi	320.000
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>332.262</b>

1.3. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Dự báo khối lượng phát sinh trung bình (kg/năm)
1	Bao bì mềm dính chất thải nguy hại	18 01 01	16
2	Bao bì đựng hóa chất bằng kim loại	18 01 02	200
3	Chất hấp phụ, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại, vật liệu lọc (than hoạt tính)	18 02 01	84
	<b>Tổng khối lượng</b>		<b>300</b>

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 1,8 tấn/năm, gồm các loại thực phẩm thừa và các loại vỏ hộp, chai lọ; khăn giấy các loại, ....

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa có dung tích từ 50 lít/thùng, các loại bao bì mềm để chứa các loại CTNH; các thùng chứa được dán tên, mã CTNH, bao bì mềm đặt ở vị trí có dán tên, mã CTNH theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Kho chứa: Diện tích 7,5m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có kết cấu tường bao quanh, mái lợp tôn, mặt sàn kín khít, có rãnh và hồ thu gom CTNH dạng lồng phòng cho sự cố khi thùng chứa, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định với tần suất dự kiến khoảng 6 tháng/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng dung tích từ 50 lít/thùng để chứa găng tay, khẩu trang không dính thành phần nguy hại.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Kho chứa: Gồm khoang chứa đá loại diện tích 420m<sup>2</sup> nằm trong khu vực bãi liệu có mái che; buồng chứa bụi diện tích 33,2m<sup>2</sup> nằm ngay chân trạm trộn.

- Thiết kế, cấu tạo: Khoang chứa đá loại có kết cấu tường bao quanh, mặt sàn kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín; buồng chứa bụi được quay tôn, cửa tôn kín, mái lợp tôn, nền xi măng chống thấm.

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý với tần suất dự kiến khoảng 3 tháng/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa dung tích 20 lít/thùng đặt tại khu vực văn phòng; 01 thùng 120 lít/thùng (có nắp đậy, có bánh xe) để gom tập trung chất thải.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Kho chứa: Không bố trí kho chứa

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý tần suất dự kiến 01 ngày/lần.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy trình của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT./.

**PHỤ LỤC 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND*  
*ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

---

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 703 có trách nhiệm thực hiện:**

1. Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường được cấp.
2. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực của dự án.
3. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.
4. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý khí thải để thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.
5. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh trước ít nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.
6. Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.
7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).

trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.